

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ GIỒNG RIỀNG**

Số: 152/BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Giồng Riềng, ngày 12 tháng 5 năm 2026

## **BÁO CÁO**

### **Về việc kết quả việc thi hành pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của xã Giồng Riềng**

Thực hiện Quyết định số 02/QĐ-BKTNS ngày 08/4/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách và Kế hoạch số 01/KH-ĐGS, ngày 09/4/2026 của Đoàn Giám sát về “Giám sát việc thi hành pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang”.

Ủy ban nhân dân xã báo cáo kết quả việc thi hành pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của xã Giồng Riềng, như sau:

#### **I. Công tác triển khai quán triệt, tuyên truyền về kiểm kê và quản lý tài sản công; việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công trên địa bàn xã**

UBND xã tổ chức triển khai quán triệt các văn bản cấp trên như Luật số 15/2017/QH14 Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc giao tài sản công nhà, đất, xe ô tô về UBND xã Giồng Riềng để quản lý, sử dụng; Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc giao tài sản công là tài sản cố định và công cụ, dụng cụ về UBND xã Giồng Riềng để quản lý, sử dụng và Quyết định số 22/2025/QĐ-CTUBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh An Giang phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công trên địa bàn: UBND xã đã ban hành Quyết định 126/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của UBND xã Giồng Riềng phê duyệt phương án xử lý tài sản dôi dư sau khi sắp xếp bộ máy, tổ chức xã Giồng Riềng; Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 04/8/2025 của UBND xã về rà soát, đối chiếu số liệu cơ sở nhà, đất và xe ô tô; Báo cáo số 77/BC-UBND ngày 19/9/2025 của UBND xã về rà soát, đối chiếu số liệu tài sản cố định, công cụ, dụng cụ khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính 02 cấp.

## II. Kết quả thực hiện

**1. Những vướng mắc trong thực hiện Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP được bổ sung sửa đổi bởi Nghị định số 67/2021/NĐ-CP và Nghị định số 03/2025/NĐ-CP quy định về sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất trên địa bàn xã**

- Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã đã xây dựng phương án sử dụng đối với các trụ sở làm việc tại các xã, thị trấn cũ và các cơ quan của huyện trước đây. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn một số trụ sở chưa được sử dụng đang xuống cấp do thiếu kinh phí sửa chữa, cải tạo... nhằm chuyển đổi công năng sang mục đích khác.

- Việc xác định giá trị tài sản trên đất (*thường là các công trình cũ, xuống cấp*) rất phức tạp do chưa tìm được hồ sơ gốc qua các thời kỳ quản lý. Nhiều cơ sở nhà, đất của các xã cũ (các điểm lẻ trường học, đất dân hiến...) không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản đồ địa chính không chính xác.

- Theo quy định, sau khi tiếp nhận tài sản, xã phải tiến hành hạch toán theo giá trị còn lại trên sổ sách. Tuy nhiên sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp nhiều tài sản được tiếp nhận đã quá cũ hoặc không còn giá trị sổ sách gây khó khăn trong việc xác định giá trị còn lại để hạch toán.

- Công tác tổng kiểm kê tài sản công là nhiệm vụ mới, khối lượng công việc lớn, số liệu tích hợp từ nhiều đối tượng sử dụng; việc xác định giá trị của tài sản đất còn gặp nhiều khó khăn, do sau sáp nhập đa phần công chức tiếp nhận công tác này đều mới và chưa có nhiều kinh nghiệm.

**2. Việc tiếp nhận tài sản công từ các cơ quan quản lý sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện và thành lập xã mới**

**2.1. Việc tiếp nhận tài sản công là tài sản cố định và công cụ dụng cụ**

***\*Tổng tài sản tiếp nhận sau sáp nhập (từ ngày 01/7/2025 đến nay) là 15.002 tài sản, Trong đó:***

- Tài sản công là tài sản cố định và công cụ dụng cụ giao về UBND xã quản lý theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND, ngày 30/9/2025 là 13.781 tài sản (trong đó: tài sản cố định là 1.500 tài sản với tổng nguyên giá là 25.750.652.000 đồng, giá trị còn lại là 12.178.911.750 đồng; công cụ dụng cụ là 12.281 tài sản với tổng nguyên giá là 19.625.961.023 đồng, giá trị còn lại là 6.182.210.500 đồng).

- Tài sản công tiếp nhận từ Sở Y tế giao UBND xã quản lý đối với 5 Trạm Y tế Thị Trấn, Bàn Tân Định, Bàn Thạch, Thạnh Bình, Thạnh Hòa (ngày 30/12/2025) là 772 tài sản, cụ thể:

+ *Trạm Y tế Thị trấn cũ với tổng là 134 tài sản (trong đó: tài sản cố định là 10 tài sản; công cụ dụng cụ là 124 tài sản).*

+ *Trạm Y tế Bàn Tân Định cũ với tổng là 167 tài sản (trong đó: tài sản cố định là 19 tài sản; công cụ dụng cụ là 148 tài sản).*

+ *Trạm Y tế Bàn Thạch cũ với tổng là 124 tài sản (trong đó: tài sản cố định là 04 tài sản; công cụ dụng cụ là 120 tài sản).*

+ Trạm Y tế Thanh Bình cũ với tổng là 187 tài sản (trong đó: tài sản cố định là 05 tài sản; công cụ dụng cụ là 182 tài sản).

+ Trạm Y tế Thanh Hòa cũ với tổng là 160 tài sản (trong đó: tài sản cố định là 05 tài sản; công cụ dụng cụ là 155 tài sản).

- Tài sản công tiếp nhận từ Sở Giáo dục và Đào tạo (Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS Giồng Riềng) vào ngày 31/12/2025 là 282 tài sản.

- Tài sản công tiếp nhận từ Kho bạc Nhà nước khu vực XX (ngày 20/01/2026) là 25 tài sản với nguyên giá 676.008.956 đồng, giá trị còn lại là 45.285.662 đồng.

Tài sản công tiếp nhận từ Bộ CHQS tỉnh An Giang (Trụ sở Ban CHQS xã Bàn Thạch cũ mới xây giao cho UBND xã quản lý bố trí làm Trụ sở Ấp Giồng Đá) vào ngày 09/4/2026 là 142 tài sản (trong đó: tài sản cố định là 06 tài sản; công cụ dụng cụ là 136 tài sản).

**\*Tổng tài sản đã được bố trí giao cho các cơ quan quản lý, sử dụng đến thời điểm hiện tại là 14.109 tài sản, cụ thể:**

+ Tổng tài sản công đã giao cho các ngành (Đảng, Nhà nước) là 2.468 tài sản.

+ Tổng tài sản công đã giao cho các trường học trên địa bàn xã là 10.727 tài sản.

+ Tổng tài sản công đã giao cho Trạm Y tế xã Giồng Riềng quản lý, sử dụng (bao gồm tài sản của 05 Trạm y tế thị trấn, Bàn Tân Định, Bàn Thạch, Thanh Bình, Thanh Hòa) là 772 tài sản.

+ Tổng tài sản công đã giao cho Trụ sở ấp Giồng Đá quản lý, sử dụng là 142 tài sản.

**\*Tổng tài sản còn lại chưa được bố trí, sử dụng là 893 tài sản** (trong đó: tài sản hư hỏng chưa thanh lý là 415 tài sản; tài sản còn sử dụng được là 478 tài sản chủ yếu là công cụ dụng cụ như bàn, ghế, tủ hồ sơ...). Hướng xử lý tài sản còn lại chưa sử dụng, cụ thể:

- Thực hiện thủ tục thanh lý tài sản hư hỏng không còn sử dụng là 415 tài sản.

- Tiếp tục bố trí 478 tài sản chưa sử dụng cho các cơ quan, đơn vị có nhu cầu.

(Phụ lục số 01 kèm theo)

## **2.2. Việc tiếp nhận tài sản công là cơ sở nhà, đất, xe ô tô**

\*Tổng tài sản công là cơ sở nhà đất, xe ô tô của UBND tỉnh giao cho UBND xã Giồng Riềng quản lý, sử dụng theo Quyết định 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh An Giang, cụ thể:

Tổng cơ sở nhà, đất giao xã quản lý là 90 cơ sở, bao gồm:

+ Cơ sở nhà, đất đã sắp xếp bố trí trụ sở làm việc cho các cơ quan Đảng, Mặt trận và các Đoàn thể, cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, các ấp, trường học là 83 cơ sở, còn lại 06 cơ sở nhà đất đang thực hiện bố trí sắp xếp<sup>1</sup>.

+ Cơ sở nhà, đất giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý, khai thác là 01 cơ sở (trụ sở ấp Giồng Đá). Tuy nhiên đến nay Trung tâm phát triển quỹ đất đã chuyển giao cơ sở nhà đất này về cho UBND xã tiếp tục quản lý, sử dụng theo Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh.

\*Xe Ô tô: hiện có 03 chiếc, trong đó: Văn phòng Đảng ủy 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ phục vụ công tác, Trung tâm văn hóa thể thao và Truyền thanh 01 chiếc xe chuyên dùng, Văn phòng HĐND và UBND xã 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ phục vụ công tác được tiếp nhận từ Ban Quản lý Kinh tế Phú Quốc (Theo Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND tỉnh về việc điều chuyển 01 chiếc xe ô tô (Fourtuner 7 chỗ) của Ban Quản lý Kinh tế Phú Quốc cho UBND xã Giồng Riềng quản lý, sử dụng).

\*Tổng tài sản công là cơ sở nhà, đất sau khi rà soát, kiểm tra, bàn giao mới là 20 cơ sở.

(Phụ lục số 02, 03 kèm theo)

### **2.3. Việc tiếp nhận tài sản công là đất công**

Tổng diện tích, mục đích khai thác, sử dụng của các loại đất công trước và sau thời điểm ngày 01/7/2025 diện tích 103.242,4m<sup>2</sup>.

Đối với các thửa đất công và mặt bằng đang cho thuê UBND xã tiếp nhận từ UBND các xã, thị trấn cũ. Hiện nay UBND xã giao phòng Kinh tế tham mưu rà soát quy trình thủ tục để cho thuê lại theo đúng quy định pháp luật.

(Phụ lục số 04 kèm theo)

**3. Công tác kiểm kê, phân loại, bàn giao đưa vào sử dụng, xử lý tài sản dôi dư đối với tài sản công khi thực hiện sáp nhập theo Điều 38 của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP của Chính phủ**

- Công tác chuyển giao, tiếp nhận, điều chuyển tài sản giữa các đơn vị: Thực hiện Quyết định số 1286/QĐ-UBND, ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc giao tài sản công là tài sản cố định và công cụ, dụng cụ về UBND xã Giồng Riềng quản lý sử dụng. UBND xã chỉ đạo phòng Kinh tế phối hợp với các ban ngành tiến hành bàn giao tài sản cho 22 đơn vị là cơ quan Đảng, Mặt trận, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn xã tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Việc thanh lý, chuyển đổi công năng, cho thuê, bán tài sản theo quy định: đến nay chưa thực hiện.

<sup>1</sup> (1) Trụ sở Hội chữ thập đỏ + Khuyến học (Đã giao cho Viện kiểm sát khu vực); (2) Trụ sở phòng Tài chính – Kế hoạch (Dự kiến cho phòng QLDA Tây Sông Hậu); (3) Trụ sở UBND xã Thanh Bình (Một phần giao cho Trụ sở Ấp Bờ Xáng, phần diện tích còn lại dự kiến giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất); (4) Trụ sở UBND xã Thanh Hòa (dự kiến giao cho TAND khu vực V - An Giang); (5) Trụ sở UBND xã Bàn Thạch (dự kiến bố trí làm điểm sinh hoạt cộng đồng của đồng bào dân tộc Khmer); (6) Trụ sở Liên đoàn lao động (bố trí cho Đội quản lý thị trường số 7).

- Đề xuất, tham mưu phương án xử lý tài sản dôi dư: Phòng Kinh tế đã tham mưu UBND xã ban hành Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 phê duyệt phương án xử lý tài sản dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức, bộ máy xã Giồng Riềng. Tổng số tài sản dôi dư là **2.518 tài sản** các loại, trong đó: 30% tài sản hư hỏng không còn sử dụng được đề nghị thanh lý là 415 tài sản; 70% tài sản còn sử dụng được là 2.103 tài sản (đến nay đã điều chuyển cho các cơ quan, ngành sự nghiệp, trường học, y tế, công an, xã đội 1.625 tài sản, còn là 478 tài sản chưa sử dụng chủ yếu là công cụ dụng cụ như bàn, ghế, tủ hồ sơ...), UBND xã đang tiếp tục điều chuyển số tài sản dôi dư còn lại cho các cơ quan, đơn vị có nhu cầu. Mặt khác, đến nay vẫn chưa thực hiện thủ tục thanh lý tài sản hư hỏng không còn sử dụng được, do khó khăn trong việc tổng hợp, lập danh mục thanh lý tài sản.

(Phụ lục số 05 kèm theo)

#### **4. Việc kiểm kê, ghi chép theo dõi, quản lý tài sản công thời điểm từ ngày 01/01/2026**

- Việc lập và lưu trữ hồ sơ pháp lý của tài sản (Quyết định giao tài sản, biên bản bàn giao, thanh lý...): UBND xã chỉ đạo Phòng Kinh tế xã phối hợp với các Phòng, ban ngành thực hiện đầy đủ việc lập, lưu trữ hồ sơ, chứng từ và báo cáo theo đúng quy trình, biểu mẫu và thời hạn do cấp có thẩm quyền ban hành. Số liệu được cập nhật thường xuyên, bảo đảm chính xác, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, điều hành của UBND xã. Công tác báo cáo được thực hiện định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu.

- Việc theo dõi, hạch toán tài sản: Đầu năm 2026, UBND xã tiến hành cấp kinh phí để trang bị phần mềm quản lý tài sản công cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã. Các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện kiểm kê tài sản vào thời điểm 31/12 hàng năm theo đúng quy định. Thực hiện hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của tài sản công theo đúng chế độ kế toán. Việc trích khấu hao, hao mòn được thực hiện hàng năm đúng tỷ lệ quy định cho từng loại tài sản. Sổ sách được cập nhật kịp thời ngay khi có biến động (mua mới, tiếp nhận điều chuyển đến hoặc thanh lý, điều chuyển đi), đảm bảo số liệu kế toán luôn phản ánh đúng thực tế hiện hành.

#### **5. Nhu cầu về tài sản công phục vụ cho bộ máy hành chính mới sau sắp nhập**

- Nhu cầu trang bị bộ phát Wi-Fi công suất lớn cho người dân tại trụ sở và hệ thống tường lửa để bảo mật dữ liệu dân cư.

- Nhu cầu trang bị máy móc, thiết bị (như máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy tính bảng, máy in, máy photocopy, máy scan...) tốc độ cao và cấu hình mạnh để thực hiện số hóa hồ sơ đầu vào, thay thế dần việc lưu trữ giấy.

- Đề nghị UBND tỉnh sớm đầu tư xây dựng lại trụ sở làm việc của UBND xã do trụ sở đã được xây dựng từ năm 1990 đến nay đã cũ và xuống cấp.

### **III. Đánh giá chung**

#### **1. Thuận lợi**

Đạt được kết quả trên là nhờ sự chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự quan tâm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan ban ngành

tinh; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, UBND xã và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan có liên quan tổ chức quán triệt triển khai các văn bản cấp trên theo đúng quy định, thực hiện tốt công tác tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức; lãnh đạo thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công tác quản lý, sử dụng tài sản công đối với các cơ quan Đảng, nhà nước, Mặt trận tổ quốc, các đơn vị trường học, ấp trên địa bàn xã; thực hiện tốt rà soát báo cáo kịp thời tài sản công về Sở Tài chính, chuyển giao tài sản dư thừa cho các cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng kịp thời. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc nguyên tắc "mọi tài sản công đều phải có chủ thể quản lý cụ thể", tránh tình trạng tài sản chung không ai bảo quản.

## **2. Khó khăn vướng mắc và nguyên nhân**

Bên cạnh những ưu điểm đạt được vẫn còn một số khó khăn như sau:

- Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp các cơ quan, đơn vị đều mới thành lập nên một số cán bộ, công chức, viên chức trong công tác tham mưu thực hiện nhiệm vụ đôi lúc chưa kịp thời, dẫn đến công việc hoàn thành nhưng còn chậm.

- Số lượng cơ sở nhà đất thuộc diện phải sắp xếp lớn. Việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất là công việc khó khăn, phức tạp; quy trình sắp xếp nhà, đất gồm nhiều bước, cần có sự phối hợp của các ngành, các đơn vị.

- Nhiều tài sản (máy móc, thiết bị điện tử...) trước đây chưa tìm được hồ sơ, giấy tờ gốc do đó không xác định được nguyên giá, giá trị còn lại gây khó khăn cho việc đánh giá lại tài sản vào cuối năm.

## **3. Đề xuất, kiến nghị:**

- Đề xuất UBND tỉnh sớm đầu tư xây dựng lại trụ sở làm việc của UBND xã do trụ sở đã được xây dựng từ năm 1990 đến nay đã cũ và xuống cấp.

- Kiến nghị Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí nhiều hơn cho việc mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn, đặc biệt là đầu tư thay thế hệ thống hạ tầng CNTT và thiết bị văn phòng đã lỗi thời so với công nghệ hiện tại (theo nhu cầu thực tế của xã) và hướng dẫn địa phương phương pháp xác định nguyên giá tài sản đối với những tài sản đã mất hồ sơ gốc không xác định được nguyên giá ban đầu.

- Kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định số 2623/QĐ-UBND, ngày 28/12/2025 về nội dung giảm danh mục mua sắm tập trung đối với máy móc, thiết bị như máy in, máy tính bàn, máy tính xách tay... để địa phương có thể tự thực hiện mua sắm nhằm thuận tiện và chủ động cho việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác chuyên môn cho các cơ quan, đơn vị. Do các loại máy móc, thiết bị trên được cán bộ, công chức sử dụng hằng ngày phục vụ nhiệm vụ chuyên môn, tuy nhiên nếu bị hư hỏng mà phải đợi mua sắm tập trung (vào tháng 3 hằng năm) sẽ chậm trễ tiến độ công việc của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh tổ chức tập huấn chuyên môn cho cán bộ cấp xã về kỹ năng quản trị tài sản công và cách thức vận hành hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Trên đây là báo cáo kết quả việc thi hành pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của xã Giồng Riềng./.

**Nơi nhận:**

- ĐGS Ban KT-NS HĐND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- TT. Đảng ủy xã;
- PCT. HĐND xã;
- CT và các PCT.UBND xã;
- LĐVP; đ/c Tuấn;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Bản**





**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ GIỒNG RIỀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP TÀI SẢN THỰC TẾ TIẾP NHẬN VÀ KIỂM KÊ SAU SÁP NHẬP**  
(kèm theo Báo cáo số 136/BC-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Giồng Riềng)

**Phụ lục số 01**

| STT        | Nhóm tài sản                                                            | Số lượng      | Nguyên giá (đ)        | Giá trị còn lại (đ)   |
|------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng tài sản tiếp nhận sau sáp nhập</b>                              | <b>15.002</b> |                       |                       |
| <b>1</b>   | <b>Tiếp nhận Theo QĐ số 1286/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh</b>   | <b>13.781</b> | <b>45.376.613.023</b> | <b>18.361.122.250</b> |
|            | Trên 10 triệu đồng                                                      | 1.500         | 25.750.652.000        | 12.178.911.750        |
|            | Dưới 10 triệu đồng                                                      | 12.281        | 19.625.961.023        | 6.182.210.500         |
| <b>2</b>   | <b>Tiếp nhận từ Sở Y tế đối với 05 Trạm Y tế thị trấn, xã cũ</b>        | <b>772</b>    | <b>2.416.221.196</b>  | <b>69.706.942</b>     |
|            | Trên 10 triệu đồng                                                      | 43            | 972.107.690           | 69.706.942            |
|            | Dưới 10 triệu đồng                                                      | 729           | 1.444.113.506         | -                     |
| <b>3</b>   | <b>Tiếp nhận từ Sở GD&amp;ĐT đối với trường PTDTNT THCS Giồng Riềng</b> | <b>282</b>    |                       |                       |
| <b>4</b>   | <b>Tiếp nhận từ KBNN khu vực XX</b>                                     | <b>25</b>     | <b>676.008.956</b>    | <b>45.285.662</b>     |
|            | Trên 10 triệu đồng                                                      | 11            | 610.038.460           | 45.285.662            |
|            | Dưới 10 triệu đồng                                                      | 14            | 65.970.496            | -                     |
| <b>5</b>   | <b>Tiếp nhận từ Bộ CHQS tỉnh đối với Trụ sở ấp Giồng Đá</b>             | <b>142</b>    |                       |                       |
|            | Trên 10 triệu đồng                                                      | 6             |                       |                       |
|            | Dưới 10 triệu đồng                                                      | 136           |                       |                       |
| <b>II</b>  | <b>Tổng tài sản đã được bố trí, sử dụng</b>                             | <b>14.109</b> | <b>47.853.574.219</b> | <b>18.430.829.192</b> |
| <b>1</b>   | <b>Ngành, xã sử dụng</b>                                                | <b>2.468</b>  | <b>14.114.523.023</b> | <b>3.021.264.000</b>  |
|            | Trên 10 triệu đồng                                                      | 389           | 7.719.243.000         | 1.685.166.500         |
|            | Dưới 10 triệu đồng                                                      | 2.079         | 6.395.280.023         | 1.336.097.500         |
| <b>2</b>   | <b>Trường học</b>                                                       | <b>10.727</b> | <b>31.322.830.000</b> | <b>15.339.858.250</b> |
|            | Trên 10 triệu đồng                                                      | 1.205         | 18.031.409.000        | 10.493.745.250        |
|            | Dưới 10 triệu đồng                                                      | 9.522         | 13.291.421.000        | 4.846.113.000         |
| <b>3</b>   | <b>Trạm Y tế xã Giồng Riềng</b>                                         | <b>772</b>    | <b>2.416.221.196</b>  | <b>69.706.942</b>     |
|            | Trên 10 triệu đồng                                                      | 43            | 972.107.690           | 69.706.942            |
|            | Dưới 10 triệu đồng                                                      | 729           | 1.444.113.506         | -                     |
| <b>4</b>   | <b>Trụ sở Ấp Giồng Đá (Trụ sở Ban CHQS xã Bàn Thạch cũ)</b>             | <b>142</b>    | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
|            | Trên 10 triệu đồng                                                      | 6             |                       |                       |
|            | Dưới 10 triệu đồng                                                      | 136           |                       |                       |
| <b>III</b> | <b>Tổng tài sản còn lại chưa sử dụng</b>                                | <b>893</b>    |                       |                       |
| <b>1</b>   | <b>Tài sản hư hỏng</b>                                                  | <b>415</b>    |                       |                       |
| <b>2</b>   | <b>Tài sản còn sử dụng được</b>                                         | <b>478</b>    |                       |                       |



**Thông kê các cơ sở nhà, đất trên địa bàn xã Giồng Riềng**  
(kèm theo Báo cáo số 136/BC-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Giồng Riềng)

Phụ lục số 02

| STT | Cơ quan, đơn vị quản lý trước 01/07/2025 | Tên, địa chỉ cơ sở nhà, đất                                                                  | Diện tích cơ sở nhà, đất |           | GCN QSDĐ   | Hình thức giao (QĐ, biên bản...)                        | Hiện trạng khu đất |              | Tình hình thanh tra, kiểm tra | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------|------------|---------------------------------------------------------|--------------------|--------------|-------------------------------|---------|
|     |                                          |                                                                                              | Nhà (m2)                 | Đất (m2)  |            |                                                         | Sử dụng            | Chưa sử dụng |                               |         |
| 1   | 2                                        | 3                                                                                            | 4                        | 5         | 6          | 7                                                       | 8                  | 9            | 10                            | 11      |
| 1   | Văn phòng HĐND-UBND huyện                | Văn phòng HĐND-UBND xã, Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                              | 1.113                    | 8.559,00  | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 2   | Văn phòng Huyện ủy                       | Văn phòng Đảng ủy, Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                   | 2.865                    | 6.696,00  | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 3   | Phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị          | Phòng Kinh tế xã, Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                    | 380                      | 350,00    | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 4   | Phòng Nông nghiệp Môi Trường             | Phòng Văn hóa - Xã hội, Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                              | 259                      | 364,30    | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 5   | Nhà ở công vụ Huyện ủy                   | Nhà công vụ Đảng ủy xã, Ấp 6, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                  | 666                      | 1.479,90  | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 6   | Phòng GD&ĐT                              | Chi nhánh VP đăng ký đất đai KV liên xã Giồng Riềng, Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang | 260                      | 157,50    | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 7   | Chữ Thập Đò + Khuyển học                 | Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                                      | 272                      | 256,30    | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 8   | UB MTTQVN huyện                          | Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                                      | 512                      | 889,90    | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 9   | Phòng Tài chính - Kế hoạch               | Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                                      | 729                      | 971,80    | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 10  | Liên đoàn lao động                       | Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                                      | 167                      | 90,40     |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 11  | UBND Thị trấn Giồng Riềng                | Ấp 3, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                                          | 1.055                    | 1.384,20  | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 12  | Đất UBND Thị trấn Giồng Riềng            | Ấp 3, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                                          | 570                      | 3.048,90  | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 13  | UBND xã Thanh Bình                       | Ấp Bờ Xáng, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                                    | 1.191                    | 3.203,60  | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 14  | UBND xã Thanh Hoa                        | Ấp Láng Quắm, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                                  | 1.329                    | 6.473,20  | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 15  | UBND xã Bàn Thạch                        | Ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                                   | 2.212                    | 10.113,60 | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 16  | UBND xã Bàn Tân Định                     | Trạm y tế xã, Ấp Sở Tại, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                       | 790                      | 1.859,40  | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 17  | Trụ sở Khu phố 6                         | Trụ sở ấp 6, Ấp 6, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                             | 60                       | 140,00    |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 18  | Trụ sở Khu phố 7                         | Trụ ở ấp 7, Ấp 7, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                              | 50                       | 252,00    |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 19  | Trụ sở Khu phố Hồng Hạnh                 | Trụ sở Ấp Hồng Hạnh, Ấp Hồng Hạnh, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                             | 36                       | 122,37    |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |
| 20  | UBND xã Thanh Bình Cũ                    | Trạm y tế, Ấp Chà Rào, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                         | 74                       | 2.602,60  | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |         |

| STT | Cơ quan, đơn vị quản lý trước 01/07/2025 | Tên, địa chỉ cơ sở nhà, đất                                                      | Diện tích cơ sở nhà, đất |                       | GCN QSDĐ   | Hình thức giao (QĐ, biên bản,...)                       | Hiện trạng khu đất |              |                     | Chị chú      |
|-----|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|------------|---------------------------------------------------------|--------------------|--------------|---------------------|--------------|
|     |                                          |                                                                                  | Nhà (m <sup>2</sup> )    | Đất (m <sup>2</sup> ) |            |                                                         | Sử dụng            | Chưa sử dụng | Thanh tra, kiểm tra |              |
| 1   | 2                                        | 3                                                                                | 4                        | 5                     | 6          | 7                                                       | 8                  | 9            | 10                  | 11           |
| 21  | Trụ sở ấp Cây Quêo                       | Ấp Cây Quêo, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                       | 154                      | 1.477,00              | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 22  | Trụ sở ấp Bờ Xăng                        | Ấp Bờ Xăng, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                        | 60                       | 1.614,50              | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 23  | Trụ sở ấp Ngã Sáu                        | Ấp Ngã Sáu, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                        | 359                      | 909,90                |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 24  | Trụ sở ấp Tà Ké                          | Ấp Tà Ké, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                          | 45                       | 76,20                 | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 25  | Trụ sở ấp Xẻo Mây                        | Ấp Xẻo Mây, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                        | 48                       | 748,30                | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 26  | Trụ sở ấp Kinh Tắc                       | Ấp Kinh Tắc, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                       | 48                       | 48,00                 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 27  | Trung tâm văn hóa xã                     | Ấp Giồng Dá, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                       | 77                       | 10.000,00             |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 28  | Trụ sở ấp Láng Sen                       | Ấp Láng Sen, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                       | 50                       | 50,00                 | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 29  | Trung tâm văn hóa xã                     | Ấp Láng Sen, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                       | 296                      | 2.904,80              |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 30  | Trụ sở ấp Sờ Tàì                         | Ấp Sờ Tàì, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                         | 90                       | 90,00                 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 31  | Trụ sở ấp Nguyễn Tấn Thêm                | Ấp Nguyễn Tấn Thêm, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                | 60                       | 60,00                 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 32  | Trụ sở ấp Nguyễn Văn Rồ                  | Ấp Nguyễn Văn Rồ, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                  | 32                       | 32,00                 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 33  | Trụ sở ấp Năm Chiến                      | Ấp Năm Chiến, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                      | 32                       | 1.101,00              |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 34  | Trung tâm chính trị                      | Ấp 3, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                              | 1.270                    | 4.292,10              | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 35  | Trung tâm GDTX                           | Ấp 3, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                              | 2.271                    | 3.746,20              | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 36  | Phòng VH TT Nhà thi đấu đa năng          | Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                          | 1.112                    | 4.183,00              | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 37  | Trung tâm văn hóa. Nhà Truyền thống      | Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                          | 251                      | 251,16                |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 38  | Trung tâm văn hóa, thư viện              | Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                          | 289                      | 310,00                |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 39  | Huyện Đoàn                               | TT Văn hóa, Thể thao và Truyền Thanh xã, Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang | 113                      | 195,00                | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 40  | Nhà Thiệu Nhi                            | TT Văn hóa, Thể thao và Truyền Thanh xã, Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang | 2.070                    | 9.421,70              |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 41  | Phòng LĐ-TB&XH (phòng Y tế)              | TT Văn hóa, Thể thao và Truyền Thanh xã, Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang | 344                      | 429,84                |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 42  | Mầm Non Hòa Mĩ: Điểm 1                   | Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                          | 1.804                    | 3.516,80              | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 43  | Mầm Non Hòa Mĩ: Điểm 2                   | Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                          | 835                      | 2.775,40              | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |
| 44  | Mầm Non Hòa Mĩ: Điểm Vĩnh Hòa            | Ấp Quang Mãn, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                      | 384                      | 1.448,33              |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     | Đang sắp xếp |
| 45  | Mầm Non Bàn Tân Định: Điểm chính         | Ấp Sờ Tàì, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                         | 516                      | 3.012,13              | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                     |              |

| STT | Cơ quan, đơn vị quản lý trước 01/07/2025              | Tên, địa chỉ cơ sở nhà, đất                       | Diện tích cơ sở nhà, đất |          | GCN QSDĐ   | Hình thức giao (QĐ, biên bản,...)                       | Hiện trạng khu đất |              | Tình hình thanh tra, kiểm tra | Ghi chú      |
|-----|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------|----------|------------|---------------------------------------------------------|--------------------|--------------|-------------------------------|--------------|
|     |                                                       |                                                   | Nhà (m2)                 | Đất (m2) |            |                                                         | Sử dụng            | Chưa sử dụng |                               |              |
| 1   | 2                                                     | 3                                                 | 4                        | 5        | 6          | 7                                                       | 8                  | 9            | 10                            | 11           |
| 46  | Mầm Non Bàn Thạch: Điểm chính                         | ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang        | 256                      | 2.350,00 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |              |
| 47  | Mầm Non Bàn Thạch: Điểm lẻ<br>Tà Yếm                  | ấp Tà Yếm, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang          | 181                      | 1.250,00 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp |
| 48  | Mầm non Thanh Hóa: Điểm chính                         | ấp Láng Quắm, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang       | 512                      | 4.541,00 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |              |
| 49  | Mầm non Thanh Hóa: Điểm Vàm Tà Ke                     | ấp Tà Ke, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang           | 196                      | 492,10   | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |              |
| 50  | Mầm Non Thanh Bình: Điểm chính                        | ấp Cây Quáo, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang        | 2.268                    | 4.200,00 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |              |
| 51  | Mầm Non Thanh Bình: Điểm lẻ Thạnh Bình                | ấp Thạnh Bình, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang      | 280                      | 1.224,90 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp |
| 52  | Tiểu học TTGR 1: Điểm chính                           | Áp Núi Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang           | 2.048                    | 5.660,00 | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |              |
| 53  | Tiểu học TTGR 2: Điểm chính                           | Áp 8, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang               | 1.520                    | 6.165,80 | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |              |
| 54  | Tiểu học TTGR 2: Điểm lẻ Khu phố 4                    | Trụ sở Ấp 4, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang        | 236                      | 1.065,70 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp |
| 55  | Tiểu học TTGR 2: Điểm lẻ Khu phố 8                    | Áp 8, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang               | 98                       | 334,12   |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |              |
| 56  | Tiểu học TTGR 3: Điểm chính                           | Áp Vĩnh Phước, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang      | 1.329                    | 4.132,00 | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |              |
| 57  | Tiểu học TTGR 3: Điểm lẻ Quang Mẫn                    | Áp Quang Mẫn, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang       | 378                      | 2.840,40 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |              |
| 58  | Tiểu học Bàn Tân Định : Điểm chính Sở Tại 1           | ấp Sờ Tại, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang          | 2.532                    | 4.054,00 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp |
| 59  | Tiểu học Bàn Tân Định : Điểm chính Sở Tại 1 (Uốc Lát) | ấp Sờ Tại, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang          | 64                       | 136,00   |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |              |
| 60  | Tiểu học Bàn Tân Định : Điểm chính                    | ấp Sờ Tại, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang          | 727                      | 705,00   |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp |
| 61  | Tiểu học Bàn Tân Định: Điểm lẻ Thấy Ban               | ấp Trần Văn Nghĩa, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang  | 123                      | 960,00   | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp |
| 62  | Tiểu học Bàn Tân Định 2: Điểm lẻ Trần Văn Nghĩa       | ấp Trần Văn Nghĩa, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang  | 256                      | 1.132,80 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp |
| 63  | Tiểu học Bàn Tân Định 2: Điểm lẻ Cây Dương            | ấp Nguyễn Văn Rổ, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang   | 128                      | 513,00   |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp |
| 64  | Tiểu học Bàn Tân Định 3: Điểm lẻ Nguyễn Tấn Thém      | ấp Nguyễn Tấn Thém, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang | 192                      | 569,00   |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp |
| 65  | Tiểu học Bàn Tân Định : Điểm lẻ Na Thum               | ấp Xéo Cui, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang         | 258                      | 2.695,00 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp |
| 66  | Tiểu học Bàn Tân Định : Điểm lẻ Miếu                  | ấp Nguyễn Văn Rổ, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang   | 236                      | 779,20   | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |              |
| 67  | Tiểu học Bàn Thạch : Điểm chính Giồng Đá              | ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang        | 1.988                    | 3.631,20 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |              |
| 68  | Tiểu học Bàn Thạch : Điểm lẻ Cây Trôm                 | Áp Cây Trôm, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang        | 225                      | 406,00   |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp |

| STT | Cơ quan, đơn vị quản lý trước 01/07/2025    | Tên, địa chỉ cơ sở nhà, đất                                | Diện tích cơ sở nhà,đất |          | GCN QSDĐ   | Hình thức giao (QĐ, biên bản,...)                       | Hiện trạng khu đất |              |                               | Ghi chú                 |
|-----|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|------------|---------------------------------------------------------|--------------------|--------------|-------------------------------|-------------------------|
|     |                                             |                                                            | Nhà (m2)                | Đất (m2) |            |                                                         | Sử dụng            | Chưa sử dụng | Tình hình thanh tra, kiểm tra |                         |
| 1   | 2                                           | 3                                                          | 4                       | 5        | 6          | 7                                                       | 8                  | 9            | 10                            | 11                      |
| 69  | Tiểu học Bàn Thach 1: Điểm lẻ Tà Yếm        | ấp Tà Yếm, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                   | 152                     | 876,25   |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp            |
| 70  | Tiểu học Bàn Thach 1: Điểm lẻ Ngã Bát       | ấp Ngã Bát, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                  | 98                      | 544,70   |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp            |
| 71  | Tiểu học Bàn Thach 1: Điểm lẻ Lung Chốt     | ấp Cây Trôm, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                 | 98                      | 468,35   |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp            |
| 72  | Tiểu học Thanh Bình 2                       | Điểm lẻ Bờ Xáng, Ấp Bờ Xáng, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang | 245                     | 840,00   |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đã giao cho Ban CHQS xã |
| 73  | THCS Mai T. Hồng Hạnh                       | Ấp Núi Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                    | 1.412                   | 8.524,10 | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |                         |
| 74  | TH&THCS Bàn Thach: Điểm chính               | Ấp Láng Sen, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                 | 1.917                   | 5.014,00 | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |                         |
| 75  | TH&THCS Bàn Thach: Điểm lẻ Láng Sơn         | ấp Láng Sơn, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                 | 192                     | 638,00   | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |                         |
| 76  | TH&THCS Bàn Thach: Điểm lẻ Vàm Láng Sơn     | ấp Láng Sơn, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                 | 512                     | 2.950,60 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp            |
| 77  | TH&THCS Bàn Thach: Điểm lẻ KH3-Út Thìa      | ấp Láng Sơn, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                 | 78                      | 419,58   | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |                         |
| 78  | TH&THCS Thanh Hòa: Điểm THCS                | ấp Láng Quắm, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                | 360                     | 3.680,00 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |                         |
| 79  | TH&THCS Thanh Hòa: Điểm chính Kho Lúa       | ấp Kênh Tắc, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                 | 924                     | 3.283,00 | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |                         |
| 80  | TH&THCS Thanh Hòa: Điểm lẻ Trao Trảo        | ấp Trao Trảo, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                | 128                     | 432,00   | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp            |
| 81  | TH&THCS Thanh Hòa : Điểm lẻ Thầy Giáo       | ấp Kinh Tắc, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                 | 128                     | 351,00   | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp            |
| 82  | TH&THCS Thanh Hòa: Điểm chính Vàm Tà Ké     | ấp Tà Ké, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                    | 4.451                   | 4.451,40 |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |                         |
| 83  | TH&THCS Thanh Hòa: Điểm lẻ Ngon Tà Ké       | ấp Tà Ké, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                    | 147                     | 408,00   |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp            |
| 84  | TH&THCS Thanh Bình: Điểm THCS               | ấp Chà Rào, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                  | 1.944                   | 6.540,00 | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |                         |
| 85  | TH&THCS Thanh Bình: Điểm chính              | ấp Chà Rào, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                  | 928                     | 2.184,10 | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |                         |
| 86  | TH&THCS Thanh Bình: Điểm lẻ Xã Cù           | ấp Chà Rào, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                  | 98                      | 1.720,0  |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp            |
| 87  | TH&THCS Thanh Bình: Điểm chính Cây Quê      | ấp Cây Quê, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                  | 928                     | 3.000,0  |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |                         |
| 88  | TH&THCS Nguyễn Văn Rô: Điểm chính Tràm Chệt | ấp Tràm Trệt, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                | 2.048                   | 5.780,0  |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |                         |
| 89  | TH&THCS Nguyễn Văn Rô: Điểm lẻ Xẻo Cui      | ấp Xẻo Cui, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang (2 Nhóm          | 832                     | 6.500,0  |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               |                         |

| STT              | Cơ quan, đơn vị quản lý trước 01/07/2025                    | Tên, địa chỉ cơ sở nhà, đất                                        | Diện tích cơ sở nhà, đất |                   | GCN QSDĐ   | Hình thức giao (QĐ, biên bản...)                                                                          | Hiện trạng khu đất |              | Tình hình thanh tra, kiểm tra | Ghi chú                  |
|------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------|-------------------------------|--------------------------|
|                  |                                                             |                                                                    | Nhà (m2)                 | Đất (m2)          |            |                                                                                                           | Sử dụng            | Chưa sử dụng |                               |                          |
| 1                | 2                                                           | 3                                                                  | 4                        | 5                 | 6          | 7                                                                                                         | 8                  | 9            | 10                            | 11                       |
| 90               | Trụ sở Ấp Giồng Đá                                          | Ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                         | 75                       | 280,0             |            | Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh; QĐ số 326/QĐ-UBND, ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh | 1                  |              |                               | Giao lại UBND xã quản lý |
| 91               | Trạm y tế Thị trấn cũ                                       | Ấp 3, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                                | 480                      | 448,0             | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 2606/QĐ-UBND, ngày 28/12/2025 của UBND tỉnh                                                 | 1                  |              |                               |                          |
| 92               | Trạm y tế Bàn Tân Định cũ                                   | Ấp Sờ Tại, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                           | 760                      | 1.614,4           | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 2606/QĐ-UBND, ngày 28/12/2025 của UBND tỉnh                                                 | 1                  |              |                               |                          |
| 93               | Trạm y tế Bàn Thạch cũ                                      | Ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                         | 420                      | 456,0             |            | Quyết định số 2606/QĐ-UBND, ngày 28/12/2025 của UBND tỉnh                                                 | 1                  |              |                               |                          |
| 94               | Trạm y tế Thanh Bình cũ                                     | ấp Chà Rào, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                          | 305                      | 851,0             | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 2606/QĐ-UBND, ngày 28/12/2025 của UBND tỉnh                                                 | 1                  |              |                               |                          |
| 95               | Trạm y tế Thạnh Hòa cũ                                      | Ấp Lăng Quắm, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                        | 333                      | 1.470,0           | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 2606/QĐ-UBND, ngày 28/12/2025 của UBND tỉnh                                                 | 1                  |              |                               |                          |
| 96               | Trụ sở KBNB huyện cũ                                        | Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                            | 575                      | 864,66            | Có GCNQSDĐ | Quyết định số 4419/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính                                              | 1                  |              |                               |                          |
| 97               | Trường PTDTNT THCS Giồng Riềng                              | Ấp Vĩnh Phước, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                       |                          | 5.482,90          |            | Quyết định số 2610/QĐ-UBND, ngày 28/12/2025 của UBND tỉnh                                                 | 1                  |              |                               |                          |
| 98               | Trụ sở Ban CHQS xã Bàn Thạch cũ giao làm Trụ sở Ấp Giồng Đá | Ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                         | 434,85                   |                   |            | BBBG ngày 09/4/2026                                                                                       | 1                  |              |                               |                          |
| 99               | Trụ sở Khu phố Nội Ô                                        | Trụ sở ấp Nội Ô, Ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang           |                          | 107,3             |            | Bổ sung qua kết quả rà soát                                                                               | 1                  |              |                               |                          |
| 100              | Trụ sở khu phố 8                                            | Trụ sở ấp 8, Ấp 8, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                   |                          | 163,3             |            | Bổ sung qua kết quả rà soát                                                                               | 1                  |              |                               |                          |
| 101              | Trụ sở khu phố Vĩnh Phước                                   | Trụ sở ấp Vĩnh Phước, Ấp Vĩnh Phước, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang |                          | 250,0             |            | Bổ sung qua kết quả rà soát                                                                               | 1                  |              |                               |                          |
| 102              | Trụ ở khu phố Quang Mẩn                                     | Trụ sở ấp Quang Mẩn, Ấp Quang Mẩn, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang   |                          | 204,0             |            | Bổ sung qua kết quả rà soát                                                                               | 1                  |              |                               |                          |
| 103              | Trụ ở khu phố Vĩnh Hòa                                      | Trụ sở ấp Vĩnh Hòa, Ấp Vĩnh Hòa, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang     |                          | 337,8             |            | Bổ sung qua kết quả rà soát                                                                               | 1                  |              |                               |                          |
| 104              | Trường TH TTGR 3 - Điểm Hồng Hạnh                           | Ấp Quang Mẩn, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                        |                          | 787,5             |            | Bổ sung qua kết quả rà soát                                                                               | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp             |
| 105              | UBND xã Bàn Tân Định (Trung tâm Văn hóa xã)                 | Ấp Sờ Tại, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                           |                          | 2.901,8           |            | Bổ sung qua kết quả rà soát                                                                               | 1                  |              |                               |                          |
| 106              | Trường TH Bàn Tân Định                                      | Ấp Năm Chiến, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                        |                          | 3.151,0           |            | Bổ sung qua kết quả rà soát                                                                               | 1                  |              |                               |                          |
| 107              | Trường TH Bàn Tân Định                                      | Ấp Xẻo Cui, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                          |                          | 5.300,0           |            | Bổ sung qua kết quả rà soát                                                                               | 1                  |              |                               |                          |
| 108              | Trường TH&THCS Nguyễn Văn Rổ                                | Ấp Sờ Tại, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                           |                          | 3.948,0           |            | Bổ sung qua kết quả rà soát                                                                               | 1                  |              |                               |                          |
| 109              | Trường TH&THCS Nguyễn Văn Rổ - Trường TH Điểm Chua          | Ấp Trám Chệt, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                        |                          | 1.659,1           |            | Bổ sung qua kết quả rà soát                                                                               | 1                  |              |                               |                          |
| 110              | UBND xã Thanh Bình (Trường TH Thanh Bình cũ)                | ấp Ngã Sáu, xã Giồng Riềng                                         |                          | 472,0             |            | Bổ sung qua kết quả rà soát                                                                               | 1                  |              |                               | Đang sắp xếp             |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                             |                                                                    | <b>64.235,38</b>         | <b>240.899,39</b> |            |                                                                                                           | <b>110</b>         |              |                               |                          |





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô trên địa bàn xã Giồng Riềng  
(kèm theo Báo cáo số 136/BC-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Giồng Riềng)

Phụ lục số 03

| STT | Đơn vị                                      | Loại tài sản (xe ô tô phục vụ công tác chung/ xe ô tô chuyên dùng) | Tên tài sản           | Hiện trạng trước sắp xếp (sử dụng đúng mục đích...) | Phương án xử lý |             |                          |          | Hồ sơ pháp lý | Đơn vị được giao quản lý tại thời điểm báo cáo | Số văn bản, ngày, tháng, năm quyết định giao... | Đánh giá nguy cơ lãng phí/không lãng phí (nguyên nhân nếu có) | Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra... (ghi số vb và trích nội dung) | Ghi chú                             |
|-----|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|-------------|--------------------------|----------|---------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                             |                                                                    |                       |                                                     | Thu hồi         | Điều chuyển | Giữ lại tiếp tục sử dụng | Thanh lý |               |                                                |                                                 |                                                               |                                                                           |                                     |
| (1) | (2)                                         | (3)                                                                | (4)                   | (5)                                                 | (6)             | (7)         | (8)                      | (9)      | (10)          | (11)                                           | (12)                                            | (13)                                                          | (14)                                                                      | (15)                                |
| I   | CẤP TỈNH                                    |                                                                    |                       |                                                     |                 |             |                          |          |               |                                                |                                                 |                                                               |                                                                           |                                     |
| II  | CẤP XÃ                                      |                                                                    |                       |                                                     |                 |             |                          |          |               |                                                |                                                 |                                                               |                                                                           |                                     |
| 1   | XÃ GIỒNG RIỀNG                              |                                                                    |                       |                                                     |                 |             |                          |          |               |                                                |                                                 |                                                               |                                                                           |                                     |
| 1.1 | Văn phòng Đảng ủy                           | Xe ô tô phục vụ công tác chung                                     | Innova 7 chỗ          | Sử dụng đúng mục đích                               |                 |             | 1                        |          |               | Đảng ủy xã                                     |                                                 |                                                               |                                                                           |                                     |
| 1.2 | Văn phòng HĐND-UBND                         | Xe ô tô phục vụ công tác chung                                     | Fortuner 7 chỗ        | Sử dụng đúng mục đích                               |                 |             | 1                        |          |               | UBND xã Giồng Riềng                            | QĐ số 2260/QĐ-UBND ngày 09/12/2025              |                                                               |                                                                           | xe của Ban quản lý Kinh tế Phú Quốc |
| 1.3 | Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh | xe ô tô chuyên dùng                                                | Ford Ranger (bán tải) | Sử dụng đúng mục đích                               |                 |             | 1                        |          |               | Trung tâm Dịch vụ tổng hợp                     |                                                 |                                                               |                                                                           |                                     |
|     | TỔNG SỐ                                     |                                                                    |                       |                                                     |                 |             | 3                        |          |               |                                                |                                                 |                                                               |                                                                           |                                     |



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ GIỒNG RIỀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Thống kê đất công trên xã Giồng Riềng**

(kèm theo Báo cáo số 136/BC-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Giồng Riềng)

**Phụ lục 04**

| ST<br>T | Cơ quan, đơn vị quản<br>lý trước 01/07/2025 | Địa chỉ khu đất          | Số thửa            | Tờ bản đồ | Diện tích đất<br>(m <sup>2</sup> ) | Hình thức<br>giao (QB,<br>biên bản,...) | Hiện trạng                                                                                                                                                         | Diện tích bị<br>lấn chiếm<br>(nếu có) | Ghi<br>chú                                                                                                   |
|---------|---------------------------------------------|--------------------------|--------------------|-----------|------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2                                           | 3                        | 4                  | 5         | 6                                  | 7                                       | 8                                                                                                                                                                  | 9                                     | 10                                                                                                           |
| 1       | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp 6, xã Giồng Riềng     | 1552               | 03        | 586,7                              |                                         | Chưa sử dụng, đất trống                                                                                                                                            |                                       |                                                                                                              |
| 2       | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp 6, xã Giồng Riềng     | 44                 | 03        | 187,5                              |                                         | Ông Hồ Thanh Hùng thuê                                                                                                                                             |                                       | UBND xã Giồng Riềng tiếp nhận<br>từ UBND thị trấn cũ, đã chỉ đạo<br>phòng Kinh tế rà soát thủ tục thu<br>hồi |
| 3       | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp 7, xã Giồng Riềng     | 198                | 02        | 4.200,0                            |                                         | Đang cho ông Nguyễn<br>Thành Phi thuê trồng lúa                                                                                                                    |                                       |                                                                                                              |
| 4       | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp 8, xã Giồng Riềng     | Chưa có<br>số thửa | 5/1       | 1.036,9                            |                                         | Đất kênh giáp với các hộ<br>dân (Đình Thạnh Hòa) với<br>Trường tiểu học thị trấn<br>Giồng Riềng 2 điểm chính                                                       |                                       |                                                                                                              |
| 5       | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp 8, xã Giồng Riềng     | Chưa có<br>số thửa | 5/1       | 846,2                              |                                         | Đất kênh Tin lành giáp các<br>hộ dân (dãy nhà cô Huê)<br>với Hội Thánh Tin Lành<br>Giồng Riềng và 1 phần<br>phía sau trụ sở khu phố 8<br>tiếp giáp khu Tái định cư |                                       |                                                                                                              |
| 6       | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp Nội Ô, xã giồng Riềng | Chưa có<br>số thửa | 5/1       | 36,6                               |                                         | Hộ ông Huỳnh Mai Khanh<br>đang sử dụng                                                                                                                             |                                       | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp<br>(36,6m <sup>2</sup> )                                                      |

| ST T | Cơ quan, đơn vị quản lý trước 01/07/2025 | Địa chỉ khu đất          | Số thửa         | Tờ bản đồ | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Hình thức giao (QĐ, biên bản,...) | Hiện trạng                                                          | Diện tích bị lấn chiếm (nếu có) | Ghi chú                                              |
|------|------------------------------------------|--------------------------|-----------------|-----------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1    | 2                                        | 3                        | 4               | 5         | 6                               | 7                                 | 8                                                                   | 9                               | 10                                                   |
| 7    | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 54,1                            |                                   | Hộ ông Trương Thành Vô đang sử dụng                                 |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (54,1m <sup>2</sup> ) |
| 8    | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 53,4                            |                                   | Hộ ông Lê Tấn Tháo đang sử dụng                                     |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (53,4m <sup>2</sup> ) |
| 9    | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 32,2                            |                                   | Hộ ông Lê Văn Sơn, đang sử dụng                                     |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (32,2m <sup>2</sup> ) |
| 10   | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 33,0                            |                                   | Hộ ông Đoàn Hoàng Nhân đang sử dụng                                 |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (33m <sup>2</sup> )   |
| 11   | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 33,0                            |                                   | Hộ bà Trần Kim Thu, đang sử dụng                                    |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (33m <sup>2</sup> )   |
| 12   | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 25,0                            |                                   | Hẻm công cộng (hẻm cụt)                                             |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (25m <sup>2</sup> )   |
| 13   | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 40,5                            |                                   | Hộ ông Vi Bình Đăng, đang sử dụng                                   |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (40,5m <sup>2</sup> ) |
| 14   | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 29,7                            |                                   | Ngân Hàng Kiên Long, đang sử dụng                                   |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (29,7m <sup>2</sup> ) |
| 15   | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 26,3                            |                                   | Hộ ông Võ Thanh Phong, đang sử dụng                                 |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (26,3m <sup>2</sup> ) |
| 16   | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 11,8                            |                                   | Hộ ông Tô Học Chánh, đang sử dụng                                   |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (11,8m <sup>2</sup> ) |
| 17   | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 22,2                            |                                   | Hộ ông Nguyễn Hồng Kiệt, đang sử dụng                               |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (22,2m <sup>2</sup> ) |
| 18   | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 35,5                            |                                   | Hộ ông Trần Thanh Tùng, đang sử dụng                                |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (35,5m <sup>2</sup> ) |
| 19   | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 33,3                            |                                   | Hộ ông Huỳnh Thanh Tuấn, đang sử dụng                               |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (33,3m <sup>2</sup> ) |
| 20   | UBND thị trấn Giồng Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng Riềng | Chưa có sổ thửa | 5/1       | 71,4                            |                                   | Hộ ông Trần Thanh Tùng, đang lấn chiếm sử dụng (một phần đường hẻm) |                                 | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp (71,4m <sup>2</sup> ) |

| ST<br>T | Cơ quan, đơn vị quản<br>lý trước 01/07/2025 | Địa chỉ khu đất             | Số thửa            | Tờ bản đồ | Diện tích đất<br>(m <sup>2</sup> ) | Hình thức<br>giao (QĐ,<br>biên bản,...) | Hiện trạng                                                                                                              | Diện tích bị<br>lấn chiếm<br>(nếu có) | Ghi<br>chú                                              |
|---------|---------------------------------------------|-----------------------------|--------------------|-----------|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1       | 2                                           | 3                           | 4                  | 5         | 6                                  | 7                                       | 8                                                                                                                       | 9                                     | 10                                                      |
| 21      | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng<br>Riềng | Chưa có<br>số thửa | 5/1       | 15,1                               |                                         | Hộ ông Trần Thanh Tùng,<br>đang sử dụng                                                                                 |                                       | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp<br>(15,2m <sup>2</sup> ) |
| 22      | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng<br>Riềng | Chưa có<br>số thửa | 5/1       | 32,1                               |                                         | Hộ ông Trần Thanh Tùng,<br>đang sử dụng                                                                                 |                                       | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp<br>(32,1m <sup>2</sup> ) |
| 23      | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng<br>Riềng | Chưa có<br>số thửa | 5/1       | 29,4                               |                                         | Hộ ông Bùi Công Chiến,<br>đang sử dụng                                                                                  |                                       | Đủ điều kiện diện tích nhỏ hẹp<br>(29,4m <sup>2</sup> ) |
| 24      | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng<br>Riềng | Chưa có<br>số thửa | 6/1       | 2,9                                |                                         | Xin chủ trương giao cho<br>hộ ông Lê Văn Thường                                                                         |                                       |                                                         |
| 25      | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng<br>Riềng | Chưa có<br>số thửa | 6/1       | 19,0                               |                                         | Xin chủ trương giao cho<br>hộ bà Lê Thị Mỹ Phương                                                                       |                                       |                                                         |
| 26      | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng<br>Riềng | Chưa có<br>số thửa | 5/1       | 100,0                              |                                         | Phản diện tích đường công<br>cộng bị dôi dư sau khi<br>thực hiện dự án Kênh Lò<br>Heo, chưa đo đạc cắm<br>mốc           |                                       |                                                         |
| 27      | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng<br>Riềng | Chưa có<br>số thửa | 09        | 500,0                              |                                         | Đất đang bị dân bao chiếm<br>1 phần đang xác minh làm<br>rõ, chưa đo đạc cắm mốc<br>khu phố Vĩnh Phước                  |                                       |                                                         |
| 28      | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng<br>Riềng | Chưa có<br>số thửa | 6/1       | 60,0                               |                                         | Đất trống chưa sử dụng,<br>giáp ông Nguyễn Văn<br>Nhứt, Lê Việt Cường,<br>Luân, trường Trường tiểu<br>học Giồng Riềng 2 |                                       |                                                         |
| 29      | UBND thị trấn Giồng<br>Riềng                | ấp Nội Ô, xã Giồng<br>Riềng | Chưa có<br>số thửa | 1/1       | 25,0                               |                                         | Đất trống chưa sử dụng,<br>hẻm công cộng tiếp giáp<br>đường Nguyễn Chí Thanh                                            |                                       |                                                         |

| ST T | Cơ quan, đơn vị quản lý trước 01/07/2025                       | Địa chỉ khu đất                    | Số thửa         | Tờ bản đồ | Diện tích đất (m2) | Hình thức giao (QB, biên bản,...) | Hiện trạng                      | Diện tích bị lấn chiếm (nếu có) | Ghi chú |
|------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1    | 2                                                              | 3                                  | 4               | 5         | 6                  | 7                                 | 8                               | 9                               | 10      |
| 30   | UBND xã Bàn Tân Định                                           | ấp Sờ Tàì, xã Giồng Riêng          | Lô A, nền số 15 | 10        | 108,0              |                                   | Đường vào trung tâm văn hóa xã  |                                 |         |
| 31   | UBND xã Bàn Tân Định                                           | ấp Năm Chiến, xã Giồng Riêng       | 81              | 10        | 831,0              |                                   | Nghĩa địa                       |                                 |         |
| 32   | UBND xã Bàn Tân Định                                           | ấp Nguyễn Tấn Thêm, xã Giồng Riêng | 640             | 10        | 7.232,5            |                                   | đất chưa sử dụng                |                                 |         |
| 33   | UBND xã Bàn Tân Định                                           | ấp Sờ Tàì, xã Giồng Riêng          |                 | 10        | 345,6              |                                   | đất chưa sử dụng, Công An xã Cũ |                                 |         |
| 34   | UBND xã Bàn Tân Định                                           | ấp Xẻo Cui, xã Giồng Riêng         | 706             | 7         | 5.021,1            |                                   | đất chưa sử dụng, bỏ hoang      |                                 |         |
| 35   | Công Ty Trách nhiệm Hữu hạn Nam Dương                          | ấp Sờ Tàì, xã Giồng Riêng          | Chưa có số thửa | 10        | 1.427,0            |                                   | chợ                             |                                 |         |
| 36   | Công Ty Trách nhiệm Hữu hạn Nam Dương                          | ấp Nội Ô, xã giồng Riêng           | 41              | 195       | 4.117,4            |                                   | chợ                             |                                 |         |
| 37   | Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Kiên Giang | ấp Sờ Tàì, xã Giồng Riêng          | 2773            | 10        | 474,8              |                                   | nhà máy nước                    |                                 |         |
| 38   | UBND xã Bàn Tân Định                                           | ấp Nguyễn Tấn Thêm, xã Giồng Riêng | 459             | 9         | 3.200,0            |                                   | Bãi Rác                         |                                 |         |
| 39   | Bưu điện xã                                                    | ấp Sờ Tàì, xã Giồng Riêng          | 2714            | 10        | 36,5               |                                   | Bưu điện                        |                                 |         |
| 40   | UBND xã Bàn Tân Định                                           | ấp Sờ Tàì, xã Giồng Riêng          | Khu đo bao      | 10        | 1.423,0            |                                   | Chưa có giấy                    |                                 |         |
| 41   | UBND xã Bàn Tân Định                                           | ấp Năm Chiến, xã Giồng Riêng       | 81              | 10        | 129,3              |                                   | Chưa có giấy                    |                                 |         |
| 42   | UBND xã Bàn Tân Định                                           | ấp Sờ Tàì, xã Giồng Riêng          | Lô F, nền số 14 | 10        | 108,0              |                                   | Chưa có giấy                    |                                 |         |

| ST T | Cơ quan, đơn vị quản lý trước 01/07/2025 | Địa chỉ khu đất                   | Số thửa         | Tờ bản đồ | Diện tích đất (m2) | Hình thức giao (QĐ, biên bản,...) | Hiện trạng                             | Diện tích bị lấn chiếm (nếu có) | Ghi chú                                                                |
|------|------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1    | 2                                        | 3                                 | 4               | 5         | 6                  | 7                                 | 8                                      | 9                               | 10                                                                     |
| 43   | UBND xã Bàn Tân Định                     | ấp Sờ Tại, xã Giồng Riềng         | Lô B, nền số 01 | 10        | 52,2               |                                   | Chưa có giấy                           |                                 |                                                                        |
| 44   | UBND xã Bàn Tân Định                     | ấp Sờ Tại, xã Giồng Riềng         | Khu đo bao      | 10        | 33,8               |                                   | dân đang sử dụng chưa cấp giấy         |                                 |                                                                        |
| 45   | UBND xã Bàn Tân Định                     | ấp Sờ Tại, xã Giồng Riềng         | Khu đo bao      | 10        | 2.896,0            |                                   | Chỉ có 1 sổ hộ có giấy trên tổng 36 hộ |                                 |                                                                        |
| 46   | UBND xã Bàn Thạch                        | ấp Láng Sơn, xã Giồng Riềng       | 145             | 12        | 90,8               |                                   | ổn định                                |                                 |                                                                        |
| 47   | UBND xã Bàn Thạch                        | ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng       | Lô E            | 14        | 90,0               |                                   | ổn định                                |                                 | Cho ông Danh Tính Thuế                                                 |
| 48   | UBND xã Bàn Thạch                        | ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng       | Chưa có số thửa | 14        | 6.966,3            |                                   | ổn định                                |                                 | 5076m2 Đất trung tâm văn hóa xã, 1500m2 dự kiến mở rộng trường mầm non |
| 49   | UBND xã Bàn Thạch                        | ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng       | Chưa có số thửa | 14        | 6.576,0            |                                   | ổn định                                |                                 |                                                                        |
| 50   | UBND xã Bàn Thạch                        | ấp Tà Yếm, xã Giồng Riềng         | 668             | 13        | 3872,7             |                                   | ổn định                                |                                 | Cho thuê 40 Kios                                                       |
| 51   | UBND xã Bàn Thạch                        | ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng       | Chưa có số thửa | 14        | 4.160,0            |                                   | ổn định                                |                                 |                                                                        |
| 52   | Kho Lúa                                  | Áp Trần Tác Chiến, xã Giồng Riềng | 200             | 12        | 880,4              |                                   |                                        |                                 |                                                                        |
| 53   | Nhà máy nước                             | ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng       |                 | 14        | 152,6              |                                   | Ngưng hoạt động                        |                                 |                                                                        |
| 54   | UBND xã Bàn Thạch                        | ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng       | 05a             | 14        | 3.656,0            |                                   | Đất bãi rác                            |                                 |                                                                        |
| 55   | UBND xã Thạnh Bình                       | ấp Ngã Sáu, xã Giồng Riềng        | 639             | 3         | 135,2              |                                   | Còn trống                              |                                 |                                                                        |
| 56   | UBND xã Thạnh Bình                       | ấp Bờ Xáng, xã Giồng Riềng        | 157             | 5         | 1.424,3            |                                   | Còn trống                              |                                 |                                                                        |

| ST T      | Cơ quan, đơn vị quản lý trước 01/07/2025 | Địa chỉ khu đất               | Số thửa      | Tờ bản đồ | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Hình thức giao (QB, biên bản,...) | Hiện trạng                                                                            | Diện tích bị lấn chiếm (nếu có) | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------------|-------------------------------|--------------|-----------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1         | 2                                        | 3                             | 4            | 5         | 6                               | 7                                 | 8                                                                                     | 9                               | 10      |
| 57        | UBND xã Thanh Bình                       | ấp Bờ Xáng, xã Giồng Riêng    | 244          | 5         | 1.625,6                         |                                   | Còn trống                                                                             |                                 |         |
| 58        | UBND xã Thanh Bình                       | ấp Thanh Bình, xã Giồng Riêng | 1042         | 8         | 114,2                           |                                   | Còn trống                                                                             |                                 |         |
| 59        | UBND xã Thanh Bình                       | ấp Bờ Xáng, xã Giồng Riêng    | 1041         | 8         | 430,4                           |                                   | Còn trống                                                                             |                                 |         |
| 60        | UBND xã Thanh Bình                       | ấp Thanh Bình, xã Giồng Riêng | 713          | 8         | 6,2                             |                                   | Nghĩa Địa                                                                             |                                 |         |
| 61        | UBND xã Thanh Bình                       | ấp Thanh Bình, xã Giồng Riêng | 120          | 8         | 2.517,4                         |                                   | Nghĩa Địa                                                                             |                                 |         |
| 62        | UBND xã Thanh Bình                       | ấp Chà Rào, xã Giồng Riêng    | A21+22 (832) | 11        | 282,0                           |                                   | đất KDC                                                                               |                                 |         |
| 63        | UBND xã Thanh Bình                       | ấp Bờ Xáng, xã Giồng Riêng    | E 16 (833)   | 11        | 119,0                           |                                   | đất KDC                                                                               |                                 |         |
| 64        | UBND xã Giồng Riêng                      | ấp Quang Mãn, xã giồng Riêng  | 01           | 154       | 20.190,7                        |                                   | Đất nghĩa trang                                                                       |                                 |         |
| 65        | UBND xã Giồng Riêng                      | ấp Hồng Hạnh, xã giồng Riêng  | 183          | 6         | 16.538                          |                                   | Đất phòng Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn huyện GR (cũ) cho ông Lê Văn Khích thuê |                                 |         |
| 66        | UBND xã Giồng Riêng                      | ấp Hồng Hạnh, xã giồng Riêng  | 184          | 6         | 2.735                           |                                   | Đất phòng Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn huyện GR (cũ) cho ông Lê Văn Khích thuê |                                 |         |
| 67        | UBND xã Giồng Riêng                      | ấp Hồng Hạnh, xã giồng Riêng  | 187          | 6         | 2.879                           |                                   | Đất phòng Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn huyện GR (cũ) cho ông Lê Văn Khích thuê |                                 |         |
| Tổng cộng |                                          |                               |              |           | 103.242,4                       |                                   |                                                                                       |                                 |         |



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÀI SẢN DỐI DƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ GIỒNG RIỀNG  
(kèm theo Báo cáo số 136/BC-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Giồng Riềng)

| T   | T | Tên cơ quan                         | Tài sản   |          |             |        |          |            |              |         |                |          |             |         |          |             |              |               |               | Phụ lục số 05 |               |              |        |              |                    |                  |              |         |                   |             |         |      |  |
|-----|---|-------------------------------------|-----------|----------|-------------|--------|----------|------------|--------------|---------|----------------|----------|-------------|---------|----------|-------------|--------------|---------------|---------------|---------------|---------------|--------------|--------|--------------|--------------------|------------------|--------------|---------|-------------------|-------------|---------|------|--|
|     |   |                                     | Máy Photo | Máy lạnh | Máy vi tính | Máy in | Máy Scan | Bàn máy VT | Bàn làm việc | Bàn dài | Bàn hội trường | Bàn kính | Bàn chủ tọa | Ghế dài | Ghế xoay | Tủ hồ sơ gỗ | Tủ hồ sơ sắt | Tủ hồ sơ nhôm | Tủ hồ sơ kính | Tủ hồ sơ van  | Bục phát biểu | Tượng Bác Hồ | Bục đề | Dàn âm thanh | Máy nước nóng lạnh | Salon tiếp khách | Kệ hồ sơ sắt | Kết sắt | Máy tính sách tay | Loa di động | Tủ lạnh | Tivi |  |
| 1   |   | Thị trấn Giồng Riềng                | 179       | 2        | 5           |        | 1        |            | 4            | 6       | 3              | 17       | 1           | 2       | 123      |             | 5            | 3             | 4             |               | 2             | 1            |        |              |                    |                  |              |         |                   |             |         |      |  |
| 2   |   | Thanh Bình                          | 416       | 4        | 26          | 4      | 1        | 1          | 10           | 5       | 11             | 76       |             |         | 243      | 7           |              | 4             | 18            |               | 2             | 1            | 1      | 1            |                    | 1                |              |         |                   |             |         |      |  |
| 3   |   | Thanh Hòa                           | 500       | 4        | 31          | 17     | 7        | 1          | 1            | 32      | 21             | 52       |             |         | 289      |             | 15           | 1             | 11            | 2             | 3             | 2            | 2      | 1            | 1                  |                  |              |         |                   |             |         |      |  |
| 4   |   | Bản Thạch                           | 267       | 3        | 27          | 12     | 7        |            |              | 40      | 2              | 2        |             | 1       | 145      |             | 14           |               | 2             |               | 1             | 1            | 1      | 2            |                    | 1                |              | 2       | 2                 | 2           | 1       |      |  |
| 5   |   | Bản Tân Định                        | 437       | 4        | 27          | 17     | 9        | 4          |              | 42      | 11             | 36       |             | 2       | 238      |             | 20           | 1             | 13            |               | 2             |              | 1      | 2            | 3                  |                  |              | 2       |                   |             |         | 2    |  |
| 6   |   | Phòng TC-KH                         | 46        |          | 7           | 2      | 1        |            | 1            |         |                |          | 1           | 1       | 30       |             |              |               |               |               |               |              |        |              |                    |                  |              |         |                   |             |         |      |  |
| 7   |   | Phòng nội Vụ                        | 96        | 1        | 4           | 1      | 1        |            | 1            | 4       | 1              | 14       |             |         | 54       | 1           |              | 4             |               |               | 6             | 2            | 1      |              |                    |                  |              |         |                   |             |         |      |  |
| 8   |   | Phòng Tư Pháp                       | 71        |          |             |        |          |            |              |         |                |          |             |         |          |             |              |               |               |               |               |              |        |              |                    |                  |              |         |                   |             |         |      |  |
| 9   |   | Phòng VH&KH                         | 57        | 1        | 4           |        |          |            |              |         |                |          |             |         |          |             |              |               |               |               |               |              |        |              |                    |                  |              |         |                   |             |         |      |  |
| 10  |   | Phòng TNMT (cũ)                     | 42        | 1        | 3           | 1      | 1        |            |              | 3       | 4              |          |             |         | 39       |             |              |               | 1             |               | 2             | 1            | 1      |              |                    |                  |              |         |                   |             |         |      |  |
| 11  |   | Phòng LĐTBXH (cũ)                   | 156       | 1        | 5           | 3      | 1        |            |              | 6       | 4              | 16       |             |         | 104      | 1           | 2            | 7             | 1             |               | 2             | 2            | 1      |              |                    |                  |              |         |                   |             |         |      |  |
| 12  |   | Thanh tra                           | 31        | 1        | 2           | 1      |          |            | 1            |         | 2              |          |             |         | 19       |             | 3            |               |               |               |               |              |        |              |                    |                  |              |         |                   |             |         |      |  |
| 13  |   | Mặt trận tổ quốc                    | 41        |          | 7           | 1      | 1        |            | 1            | 5       |                | 19       | 1           |         | 2        |             | 1            |               | 1             |               |               |              |        |              |                    |                  |              | 1       |                   | 1           |         |      |  |
| 14  |   | Hội nông dân                        | 87        | 2        | 1           | 2      |          |            | 2            | 1       | 1              |          |             | 1       | 71       |             |              |               | 4             |               | 1             | 1            |        |              |                    | 1                |              |         |                   |             |         |      |  |
| 15  |   | Hội phụ nữ                          | 18        | 1        | 2           | 1      | 1        |            | 2            | 3       | 1              |          |             | 1       |          |             | 1            |               | 2             |               | 1             | 1            |        |              |                    |                  |              |         |                   |             |         |      |  |
| 16  |   | Hội Cựu chiến binh                  | 50        |          | 2           | 2      | 2        |            | 2            | 5       | 2              | 4        |             |         | 23       |             | 3            | 2             | 1             |               |               |              |        | 2            |                    |                  |              |         | 1                 |             |         |      |  |
| 18  |   | Hội Chữ thập đỏ                     | 83        |          | 3           |        |          |            |              |         |                |          |             |         | 57       |             |              |               |               |               |               |              |        |              |                    | 1                |              |         | 1                 |             |         |      |  |
| 19  |   | Hội Khuyến học                      | 5         |          | 1           | 1      |          | 1          | 1            |         |                |          |             |         |          |             |              |               |               |               |               |              |        |              |                    |                  |              |         |                   |             |         |      |  |
| I   |   | Tổng cộng                           | 2.518     | 26       | 157         | 65     | 33       | 7          | 26           | 156     | 70             | 254      | 3           | 8       | 1.466    | 9           |              |               | 164           | 15            | 11            | 7            | 6      | 6            | 6                  | 7                | 4            | 6       | 5                 | 4           | 1       | 2    |  |
| II  |   | 30% Tài sản không còn sử dụng được  | 415       | 8        | 30          | 13     | 5        | 2          | 5            | 30      | 10             | 50       |             |         | 200      | 3           |              |               | 48            |               |               |              |        | 2            | 2                  | 2                | 2            | 1       | 2                 | 1           | 1       |      |  |
| III |   | 70% tài sản còn sử dụng chuyển giao | 2.103     | 18       | 127         | 52     | 28       | 5          | 21           | 126     | 60             | 204      | 3           | 8       | 1.266    | 6           |              |               | 116           | 15            | 11            | 7            | 4      | 4            | 4                  | 5                | 3            | 4       | 4                 | 3           | 1       | 2    |  |
| IV  |   | Phương án                           | 1.202     | 18       | 68          | 52     | 28       | 5          | 21           | 60      | 27             | 122      |             | 2       | 686      |             |              |               | 46            | 3             | 1             | 1            | 1      | 1            | 4                  |                  |              | 1       | 4                 | 3           | 1       | 2    |  |
| V   |   | Thực hiện phương án                 | 1.625     | 18       | 125         | 52     | 28       | 5          | 21           | 69      | 30             | 174      | 3           | 8       | 964      | 6           |              |               | 75            | 10            | 7             | 4            | 4      | 4            | 4                  | 5                |              | 3       | 4                 | 3           | 1       | 2    |  |
| VI  |   | Còn lại                             | 478       | -        | 2           | -      | -        | -          | -            | 57      | 30             | 30       | -           | -       | 302      | -           |              |               | 41            | 5             | 4             | 3            | -      | -            | -                  | -                | -            | 3       | 1                 | -           | -       | #    |  |

